TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 04 - 6 - 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Xuân.
Ông Nguyễn Vĩnh Phú.
- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyết, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn *tham gia phiên toà*: Ông Phạm Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2018/TLST - DS, ngày 20 tháng 12 năm 2018, về: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khu An Ninh, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 13/12/2018). Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lý Thị V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2018, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quan biết với

anh Hoàng Văn T sinh năm 1988, địa chỉ thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên đã cho anh Hoàng Văn T vay tiền vào ngày 06/01/2017 (âm lịch), số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Anh Hoàng Văn T có viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền anh Hoàng Văn T đã viết số tiền vay là 50^{T}000.000, có viết số tiền bằng chữ rõ ràng "năm mươi triệu đồng", đây là vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền Việt Nam (Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Trong giấy vay có cả vợ anh Hoàng Văn T là Lý Thị V ký người vay tiền, giấy vay không ghi về lãi suất, hẹn 30 ngày sẽ thanh toán số tiền nợ trên, thanh toán toàn bộ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Để đảm bảo cho khoản vay, anh Hoàng Văn T có thế chấp cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N865187 mang tên bố anh là Hoàng Văn T1 hiện nay bà vẫn đang giữ (hai bên không lập giấy tờ gì về việc thế chấp). Hai bên không thỏa thuận lãi trong giấy vay tiền. Nhưng giữa bà Nguyễn Thị Kim H và anh Hoàng Văn T có thỏa thuận miệng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày vay tiền ngày 06/01/2017 (âm lịch) đến ngày 06/02/2017 âm lịch anh Hoàng Văn T không phải trả lãi, sau ngày 06/02/2017 âm lịch anh Hoàng Văn T không trả được số tiền nợ gốc cho bà thì anh Hoàng Văn T phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Kim H là 1000 đồng/01 triệu/ngày. Đến ngày 06/4/2017 âm lịch anh Hoàng Văn T trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 7.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay, không phải là tiền trả nợ gốc. Vì vậy, tại phía dưới mặt sau của Giấy vay tiền mới có cụm từ "Ngày 06/4/2017 Âm trả 7T" do bà Nguyễn Thị Kim H ghi. Đến hạn trả nợ anh Hoàng Văn T không trả nợ, sau đó anh Hoàng Văn T khất nợ, hẹn chậm nhất ngày 30/8/2017 dương lịch sẽ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim H. Từ đó đến nay bà Nguyễn Thị Kim H đã nhiều lần yêu cầu anh Hoàng Văn T trả nợ tiền gốc nhưng anh Hoàng Văn T không trả. Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu anh Hoàng Văn T phải trả lãi của khoản vay. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu anh Hoàng Văn T phải trã lãi. Bà yêu cầu anh Hoàng Văn T phải trả cho bà số tiền nợ gốc anh Hoàng Văn T đã vay là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị H là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu anh Hoàng Văn T, chị Lý Thị V là người vay tiền phải trả cho bà số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, trong đó yêu cầu anh Hoàng Văn T, chị Lý Thị V mỗi người phải trả bà số tiền gốc 25.000.000 đồng, bà không yêu cầu anh chị phải trả lãi. Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ N865187 ngày 10/10/2000 mang tên hộ ông Hoàng Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim H xác định việc anh Hoàng Văn T đặt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải để thế chấp mà chỉ đặt làm tin. Do vậy bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh Hoàng Văn T.

Bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và bà Nguyễn Thị Kim H đúng là có việc vay tiền nhưng số tiền vay không phải là 50.000.000 đồng như giấy vay nợ. Giấy vay tiền bà Nguyễn Thị Kim H giao nộp trong hồ sơ Tòa án, anh có được ký vay nhưng khi đó anh không đọc nội dung ghi tiền là bao nhiêu, do bà Nguyễn Thị Kim H bảo anh ký nên anh mới ký. Việc vay tiền chỉ là anh với bà Nguyễn Thị Kim H, còn vợ anh là chị Lý Thị V có được cùng anh ký giấy vay tiền nhưng chị Lý Thị V không biết anh đã thỏa thuận vay mượn như thế nào. Bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu anh trả 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và yêu cầu anh phải trả lãi cho

bà Nguyễn Thị Kim H của số tiền vay 50.000.000 đồng anh không đồng ý, vì số tiền vay không phải như vậy, do anh không biết nên mới ký vào giấy. Anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho phần trình bày của mình và cũng không yêu cầu triệu tập người làm chứng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lý Thị V trình bày: Chị là vợ anh Hoàng Văn T, chị không biết sự việc vay nợ như thế nào nhưng chị có được cùng anh Hoàng Văn T ký giấy vay tiền ngày 06/01/2017 (âm lịch), nay bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện chị không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có lấy lời khai đối với ông Hoàng Văn T1 là bố đẻ anh Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn T1 trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 865187 là của gia đình ông được UBND huyện Hữu Lũng cấp vào ngày 10 tháng 10 năm 2000, đứng tên hộ Hoàng Văn T1. Việc Anh Hoàng Văn T con trai ông đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp để vay tiền hay như nào ông không được biết và không liên quan đến việc vay tiền. Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 865187 anh Hoàng Văn T đem đi thế chấp, anh Hoàng Văn T sẽ phải có trách nhiệm riêng với ông. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 865187 của gia đình ông. Ông không biết và không liên quan đến vụ án, đề nghị Tòa án làm việc với anh Hoàng Văn T để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Qúa trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 357, các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H, buộc anh Hoàng Văn T phải trả bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ gốc 50. 000.000 đồng – 7.000.000 đồng = 43.000.000 đồng, không phải trả lãi. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành mở phiên họp và hoà giải theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, anh Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn T1, chị Lý Thị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lí do nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn T1, chị Lý Thị V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình tiết không phải chứng minh: Bản chính giấy vay tiền ngày 06 tháng 01 năm 2017 âm lịch trong hồ sơ vụ án, các đương sự đều thừa nhận là có thật nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh Hoàng Văn T vay số tiền 50.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim H là thực tế. Đến thời hạn trả nợ bà Nguyễn Thị Kim H nhưng anh Hoàng Văn T không trả nên bà Nguyễn Thị Kim H làm đơn khởi kiện. Như vậy anh Hoàng Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị Kim H đều thừa nhận có việc năm 2017 âm lịch anh Hoàng Văn T có vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim H. Tuy anh Hoàng Văn T cho rằng anh có nợ tiền bà Nguyễn Thị Kim H nhưng số tiền anh nợ gốc không đến 50.000.000 đồng, do khi anh ký giấy vay tiền với bà Nguyễn Thị Kim H anh không đọc nội dung nên không biết bà Nguyễn Thị Kim H ghi số tiền cho vay là bao nhiêu, nhưng anh Hoàng Văn T, chị Lý Thị V đều thừa nhận giấy vay tiền đề ngày 06/01/2017 âm lịch do bà Nguyễn Thị Kim H giao nộp cho Tòa án đúng là giấy vay tiền anh chị đã ký, còn việc anh Hoàng Văn T không thừa nhận được vay 50.000.000 đồng thì anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho mình. Nhưng tại phiên tòa bà Lê Thị H là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim H đã thừa nhận đến ngày 06/4/2017 âm lịch anh Hoàng Văn T đã trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 7.000.000 đồng, việc trả 7.000.000 đồng này do bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp ghi vào phía dưới mặt sau của giấy vay tiền ngày 06/01/2017 âm lịch với nội dung thể hiện "Ngày 06/4/2017 Âm trả 7T", theo bà Lê Thị H cho rằng anh Hoàng Văn T trả 7.000.000 đồng là trả lãi của khoản vay, không phải trả nợ gốc. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Kim H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh ngày 06/4/2017 âm lịch anh Hoàng Văn T đã trả cho bà số tiền 7.000.000 đồng là trả lãi của khoản vay, không phải trả nợ gốc. Theo lời khai của các bên đương sự tại Tòa án và các tài liệu trong hồ sơ thấy rằng việc anh Hoàng Văn T cho rằng anh không còn nợ bà Nguyễn Thị Kim H số tiền gốc 50.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H sau khi trừ 7.000.000 đồng tiền gốc anh Hoàng Văn T đã trả cho bà Nguyễn Thị Kim H ngày 06/4/2017 âm lịch, cần buộc anh Hoàng Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ gốc còn lại là 43.000.000 đồng.

[4] Việc bà Lê Thị H yêu cầu anh Hoàng Văn T, chị Lý Thị V cùng phải trả cho bà số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, trong đó yêu cầu anh Hoàng Văn T, chị Lý Thị V mỗi người phải trả bà số tiền gốc 25.000.000 đồng, thấy rằng tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim H đều xác định anh Hoàng Văn T là người vay tiền nên yêu cầu anh Hoàng Văn T trả tiền và các bên đều xác định chị Lý Thị V không liên quan đến khoản tiền anh Hoàng Văn T vay của bà Nguyễn Thị Kim H, chị Lý Thị V tuy có ký giấy vay tiền nhưng chị Lý Thị V không biết nội dung, đến tại phiên tòa bà Lê Thị H mới yêu cầu chị Lý Thị V cùng phải trả là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về lãi suất do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H đã rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về lãi suất nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu đã rút.

[6] Đối với 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ N865187 ngày 10/10/2000 mang tên hộ ông Hoàng Văn T1, do anh Hoàng Văn T để lại cho bà Nguyễn Thị Kim H để được vay số tiền nêu trên. Ông Hoàng Văn T1 tuy không có yêu cầu gì về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế bà Nguyễn Thị Kim H đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ N865187 ngày 10/10/2000 mang tên hộ ông Hoàng Văn T1, nay bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh Hoàng Văn T là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim H cần ghi nhận.

[7] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên.

[8] Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H đối với anh Hoàng Văn T. Buộc anh Hoàng Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng, không phải trã lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về lãi suất do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H đã rút yêu cầu.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim H trả lại cho anh Hoàng Văn T 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ N865187 ngày 10 tháng 10 năm 2000 mang tên hộ ông Hoàng Văn T1, địa chỉ thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 2.150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền là 1.250.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2015/0000969, ngày 20

tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Huyền